

Bản án số: 17/2018/DS-ST.
Ngày: 16/7/2018
V/v “*Tranh chấp hợp đồng mua bán
vật tư nông nghiệp*”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH THƯỢNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Chính

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Mẫn

2. Ông Lê Thanh Nhã

Thư ký phiên tòa: Bà Thị Thúy Kiều-Thư ký Tòa án nhân dân huyện U.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện U tham gia phiên tòa: Thuộc trường hợp không tham gia phiên tòa sơ thẩm.

Ngày 16 tháng 7 năm 2018, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện U xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 11/2018/TLST-DS ngày 29 tháng 01 năm 2018 về việc “*Tranh chấp hợp đồng mua bán vật tư nông nghiệp*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2018/QĐXXST-DS ngày 11 tháng 6 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 17/2018/QĐST-DS ngày 27 tháng 6 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Ngô Kim H (tên gọi khác K), sinh năm 1972.

Địa chỉ cư trú: Ấp T, xã H, huyện U, tỉnh Kiên Giang. (có mặt tại phiên tòa)

2. Bị đơn: Bà Trịnh Lan E, sinh năm 1980.

Địa chỉ cư trú: Ấp A, xã B, huyện U, tỉnh Kiên Giang. (vắng mặt tại phiên tòa)

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Văn Th, sinh năm 1984 (chồng bà Lan E, vắng mặt tại phiên tòa).

Địa chỉ cư trú: Ấp A, xã B, huyện U, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 05 tháng 12 năm 2017 và các lời khai tại Tòa án nhân dân huyện U, nguyên đơn ông Ngô Kim H trình bày:

Tháng 12/2014 ông Ngô Kim H có bán phân, thuốc bảo vệ thực vật cho vợ chồng bà Trịnh Lan E và ông Nguyễn Văn Th, số tiền là 25.507.000 đồng. Thời gian cho nợ tiền phân, thuốc là 04 tháng. Nếu quá hạn thì bà Lan E và ông Th phải chịu lãi suất là 2,5%/tháng. Quá hạn trả nợ nhưng bà Lan E và ông Th không thanh toán tiền cho ông H, nên ngày 29/9/2016 ông H gửi đơn yêu cầu ban lãnh đạo ấp A giải quyết vụ việc nhưng cuộc hòa giải không thành. Ngày 28/12/2016 Ban hòa giải của Ủy ban nhân dân xã B tổ chức hòa giải thì Ông và bà Lan E thống nhất về số nợ và thời gian thanh toán nợ. Nhưng sau đó bà Lan E và ông Th không thực hiện theo thỏa thuận. Tính từ tháng 4/2015 đến tháng 12/2017 số tiền lãi vợ chồng bà Lan E nợ ông H là 32 tháng bằng 20.405.000 đồng. Đến nay bà Lan E và ông Th chưa thanh toán số tiền trên cho ông H.

Theo đơn khởi kiện ông Ngô Kim H yêu cầu vợ chồng bà Trịnh Lan E, ông Nguyễn Văn Th trả số tiền 45.912.000 đồng (trong đó tiền gốc là 25.507.000 đồng và tiền lãi là 20.405.000 đồng). Tại các biên bản hòa giải và lời khai tại Tòa án ông H thay đổi yêu cầu về tiền lãi, cụ thể yêu cầu Tòa án tính lãi theo quy định của pháp luật từ tháng 4 năm 2015 đến khi Tòa án xét xử vụ án.

Bị đơn bà Trịnh Lan E và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn Th vắng mặt tại phiên tòa nên không có lời trình bày.

Tài liệu, chứng cứ do ông Ngô Kim H cung cấp gồm có: Đơn yêu cầu Ban lãnh đạo ấp A, xã B giải quyết vụ việc của ông Ngô Kim H; Biên bản hòa giải tại ấp A ngày 21/10/2016; Biên bản hòa giải tại Ủy ban nhân dân xã B ngày 28/12/2016.

Tại phiên tòa: Ông H yêu cầu vợ chồng bà Lan E, ông Th trả số tiền là 25.507.000 đồng và lãi suất theo quy định của pháp luật kể từ tháng 4 năm 2015 đến ngày 16 tháng 7 năm 2018.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn bà Trịnh Lan E và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn Th được Tòa án triệu tập lần thứ hai tham gia phiên tòa xét xử nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà Lan E và ông Th.

[2] *Về quan hệ pháp luật*: Giao dịch mua bán giữa ông H và bà Lan E thực hiện xong trước ngày Bộ luật dân sự năm 2015 có hiệu lực thi hành (01/01/2017). Căn cứ quy định tại điểm c khoản 1 Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015 về điều khoản chuyển tiếp, Hội đồng xét xử áp dụng Bộ luật dân sự số 33/2005/QH11 để giải quyết vụ án.

Tranh chấp giữa ông H với vợ chồng bà Lan E, ông Th là “*Tranh chấp hợp đồng mua bán vật tư nông nghiệp*” quy định tại Điều 428 Bộ luật dân sự năm 2005.

[3] *Về nội dung tranh chấp*: Xét yêu cầu khởi kiện của ông H đòi vợ chồng bà Lan E, ông Th trả số tiền 25.507.000 đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật kể từ tháng 4 năm 2015 đến ngày 16 tháng 7 năm 2018.

Từ khi thụ lý vụ án bà Lan E và ông Th không có ý kiến trình bày đối với yêu cầu khởi kiện của ông H. Tuy nhiên căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do ông H cung cấp gồm các biên bản hòa giải tại ấp A ngày 21/10/2016 và Biên bản hòa giải tại Ủy ban nhân dân xã B ngày 28/12/2016, Hội đồng xét xử thấy rằng giữa ông H và vợ chồng bà Lan E, ông Th đã thực hiện giao dịch mua bán vật tư nông nghiệp (phân bón, thuốc trừ sâu). Tại các biên bản hòa giải cơ sở bà Lan E thừa nhận nợ ông H số tiền gốc là 25.507.000 đồng. Sau khi tính toán nợ gốc và nợ lãi, các bên thống nhất thời gian thanh toán nợ chia thành 03 lần, nhưng từ đó đến nay bà Lan E và ông Th không trả nợ cho ông H theo biên bản đã thỏa thuận. Theo lời khai của ông H thì bà Lan E là người trực tiếp mua phân bón và thuốc trừ sâu, ông Th không tham gia nhưng biết việc mua bán giữa ông H với bà Lan E.

Do bà Lan E và ông Th không thực hiện theo cam kết, nên ông H yêu cầu Tòa án buộc vợ chồng bà Lan E, ông Th trả một lần toàn bộ số nợ gốc và nợ lãi.

Hội đồng xét xử nhận thấy bà Lan E là bên mua nhưng không thực hiện nghĩa vụ trả tiền là vi phạm nghĩa vụ quy định tại Điều 438 Bộ luật dân sự năm 2005. Đồng thời bên mua phải trả lãi kể từ ngày chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 305 Bộ luật dân sự năm 2005.

Ông Th không trực tiếp mua bán với ông H, nhưng xét thấy giao dịch dân sự do bà Lan E thực hiện nhằm phục vụ nhu cầu sinh hoạt của gia đình. Theo quy định tại Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, buộc ông Th phải có trách nhiệm liên đới cùng với bà Lan E trả nợ cho ông H.

Về lãi suất: Tại thời điểm xác lập giao dịch các bên thỏa thuận lãi suất là 2,5%/tháng, nhưng trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ông H xác nhận yêu cầu tính lãi theo quy định của pháp luật. Căn cứ khoản 2 Điều 305 Bộ luật dân

sự năm 2005, áp dụng mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố theo Quyết định 2868 ngày 29/11/2010 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam là 9%/năm (0,75%/tháng) để tính lãi chậm trả.

Số tiền lãi được tính như sau: 25.507.000 đồng x 0,75%/tháng x 39 tháng (tháng 4 năm 2015 đến ngày 16 tháng 7 năm 2018) = 7.460.000 đồng.

Từ những căn cứ trên Hội đồng xét xử thống nhất buộc bà Lan E và ông Th trả cho ông H tổng số tiền 32.967.000 đồng (trong đó tiền gốc là 25.507.000 đồng và tiền lãi là 7.460.000 đồng).

Về án phí sơ thẩm: Buộc bà Lan E và ông Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 32.967.000 đồng x 5% = 1.648.000 đồng (*Một triệu sáu trăm bốn mươi tám nghìn đồng*).

Hoàn trả lại cho ông Ngô Kim H số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 92, 147, 227, 228, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các điều 305, 428, Điều 438 của Bộ luật dân sự năm 2005; Quyết định 2868 ngày 29/11/2010 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Ngô Kim H đối với vợ chồng bà Trịnh Lan E, ông Nguyễn Văn Th.

Buộc vợ chồng bà Trịnh Lan E, ông Nguyễn Văn Th trả cho ông Ngô Kim H số tiền 32.967.000 đồng (*Ba mươi hai triệu chín trăm sáu mươi bảy nghìn đồng*).

Các bên trực tiếp giao nhận tiền hoặc giao nhận tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện U, tỉnh Kiên Giang.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật, nếu bên phải thi hành án vi phạm nghĩa vụ trả nợ và kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bên được thi hành án thì bên phải thi hành án còn phải trả cho bên được thi hành án khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. *Về án phí sơ thẩm:* Buộc bà Trịnh Lan E và ông Nguyễn Văn Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 1.648.000 đồng (*Một triệu sáu trăm bốn mươi tám nghìn đồng*), nộp tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện U, tỉnh Kiên Giang.

Hoàn trả cho ông Ngô Kim H số tiền đã nộp là 1.147.000 đồng (*Một triệu một trăm bốn mươi bảy nghìn đồng*) theo lai thu số 0006784 ngày 25/01/2018 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện U, tỉnh Kiên Giang.

3. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng và Ủy ban nhân dân xã B, huyện U, tỉnh Kiên Giang.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Tòa án tỉnh Kiên Giang;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Chi cục Thi hành án dân sự cùng cấp;
- Lưu.

TM/HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Văn Chính

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Văn Chính

